

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C.V. Số: 353
Ngày: 20/3/2020
Chuyên: TN1, TN2, TN3, TN5

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

**TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8360.289

Fax: 0243.8361.199

Email: thitruong@quatest1.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

b) Lô 2-3-6A, khu Công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thực hiện việc **thử nghiệm** các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến an toàn, sức khỏe và môi trường đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (*Danh sách sản phẩm, hàng hóa và Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng tương ứng để thử nghiệm được chỉ định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này*).

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 5 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ

TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/HÀNG HÓA VÀ PHÉP THỬ, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 137 /TĐC-HCHQ ngày 19 / 3 /2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa/ Tên phép thử	Phương pháp thử/ tiêu chuẩn thử nghiệm
I	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM ĐIỆN – ĐIỆN TỬ	
I.1	Các sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED (các chỉ tiêu và phương pháp thử theo quy định tại QCVN 19:2019/BKHCN)	
	Đèn điện LED – Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm	
1	Phân loại đèn điện	TCVN 7722-1:2017 (IEC 605981:2014 + AMD1:2017)
2	Ghi nhãn	
3	Kết cấu	
4	Dây đi bên ngoài và dây đi bên trong	
5	Quy định về nối đất	
6	Bảo vệ chống điện giật	
7	Khả năng chống bụi, vật rắn và hơi ẩm	
8	Điện trở cách điện và độ bền điện, dòng điện chạm và dòng điện trong dây dẫn bảo vệ	
9	Chiều dài đường rò và khe hở không khí	
10	Thử nghiệm độ bền và thử nghiệm nhiệt	
11	Khả năng chịu nhiệt, chịu cháy và phóng điện bề mặt	
12	Đầu nối bắt ren	
13	Đầu nối không bắt ren và mối nối điện	
	Bóng đèn LED có balát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50 V - Quy định về an toàn	
14	Ghi nhãn	TCVN 8782:2017 (IEC 62560:2011 + AMD1:2015)
15	Khả năng lắp lẫn	
16	Bảo vệ chống tiếp xúc ngẫu nhiên với các bộ phận mang điện	
17	Điện trở cách điện và độ bền điện sau xử lý ẩm	
18	Độ bền cơ	
19	Độ tăng nhiệt của đầu đèn	
20	Khả năng chịu nhiệt	
21	Khả năng chịu cháy và mối cháy	
22	Điều kiện sự cố	

23	Chiều dài đường rò và khe hở không khí	TCVN 8782:2017 (IEC 62560:2011 + AMD1:2015)
24	Làm việc không bình thường	
25	Điều kiện thử nghiệm đối với bóng đèn có điều chỉnh độ sáng	
26	Bảo vệ chống thâm nhập của nước	
Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế để thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng - Quy định về an toàn		
27	Ghi nhãn	TCVN 11846:2017 (IEC 62776:2014)
28	Khả năng lắp lẫn	
29	An toàn các chân cắm trong quá trình lắp bóng đèn	
30	Bảo vệ chống tiếp xúc ngẫu nhiên với các bộ phận mang điện	
31	Yêu cầu về cơ đối với đầu đèn	
32	Độ tăng nhiệt của đầu đèn	
33	Khả năng chịu nhiệt	
34	Khả năng chịu cháy và môi cháy	
35	Điều kiện sự cố	
36	Chiều dài đường rò và khe hở không khí	
37	Bóng đèn có bảo vệ chống bụi và ẩm	
Các sản phẩm chiếu sáng thông dụng sử dụng công nghệ LED		
38	Điện áp nhiễu	TCVN 7186:2018 (CISPR 15:2018) IEC 61547:2009
39	Nhiều bức xạ	
40	Miễn nhiễm với phóng tĩnh điện	TCVN 7186:2018 (CISPR 15:2018) IEC 61547:2009
41	Miễn nhiễm với quá độ điện nhanh	
42	Miễn nhiễm với xung	
43	Miễn nhiễm với hiện tượng dao động điện áp	
44	Miễn nhiễm với hiện tượng mất điện áp, thay đổi điện áp	
45	Miễn nhiễm với từ trường tần số nguồn	
I.2	Các thiết bị điện, điện tử (các chỉ tiêu và phương pháp thử theo quy định tại QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN)	
Máy sấy tóc		
46	Điện áp nhiễu 150kHz – 30MHz	TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009)
47	Công suất nhiễu 30MHz – 300MHz	
48	Nhiều không liên tục	
Máy xay sinh tố, máy xay thịt, máy ép trái cây, máy đánh trứng		
49	Điện áp nhiễu 150kHz – 30MHz	TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009)
50	Công suất nhiễu 30MHz – 300MHz	

51	Nhiều không liên tục	
	Lò vi sóng (kể cả loại kết hợp)	
52	Điện áp nhiễu 150kHz – 30MHz	TCVN 6988:2006 (CISPR 11:2004)
	Bếp điện (bao gồm bếp điện từ)	
53	Điện áp nhiễu 9kHz – 30MHz	TCVN 7492-1:2018 (CISPR 14-1:2016)
54	Công suất nhiễu 30MHz – 300MHz	
55	Nhiều không liên tục	
II	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM CƠ, HÓA, ĐIỆN – ĐIỆN TỬ (AN TOÀN ĐỒ CHƠI TRẺ EM) (các chỉ tiêu và phương pháp thử theo quy định tại QCVN 3:2019/BKHCN)	
56	Thử các chi tiết nhỏ	TCVN 6238-1:2017
57	Thử hình dạng và kích cỡ một số loại đồ chơi	
58	Thử các quả bóng nhỏ	
59	Thử quả len	
60	Thử đồ chơi hình người	
61	Thử khả năng tiếp xúc được một phần hoặc một chi tiết	
62	Thử cạnh sắc	
63	Thử đầu nhọn	
64	Xác định độ dày của màng và tấm chất dẻo	
65	Thử dây	
66	Thử độ ổn định và sự quá tải	
67	Thử cửa và nắp hòm đồ chơi	
68	Thử va đập đồ chơi che mặt	
69	Thử động năng	
70	Thử cơ cấu bánh quay tự do và thử tính năng phanh	
71	Xác định vận tốc của đồ chơi do trẻ lái chạy bằng điện	
72	Xác định sự tăng nhiệt độ	
73	Sự rò rỉ của đồ chơi có chứa chất lỏng	
74	Độ bền của đồ chơi kích hoạt bằng miệng	
75	Vật liệu giãn nở	
76	Cơ cấu gấp hoặc trượt	
77	Đồ chơi có thể giặt được	
78	Xác định mức áp suất âm	
79	Độ bền tĩnh của xe scooter đồ chơi	
80	Độ bền động của xe scooter đồ chơi	
81	Tính năng phanh của xe scooter đồ chơi	

82	Độ bền của trục tay lái xe scooter đồ chơi	TCVN 6238-1:2017
83	Độ bền tách rời tay cầm	
84	Phép thử kéo nam châm	
85	Chỉ số từ thông	
86	Thử va đập nam châm	
87	Đánh giá đầu của vật phóng cứng	
88	Chiều dài vật phóng đầu mút	
89	Tính cháy	TCVN 6238-2:2017
90	Xác định hàm lượng kim loại Pb, Cd, As, Hg, Ba, Sb, Cr, Se bằng ICP-MS	TCVN 6238-3:2011 EPA 6020
91	Xác định pH trong đồ chơi	TCVN 8317-9:2010 (ISO 787-9:1981)
92	Xác định Formaldehyd trong đồ chơi	TCVN 7421-1:2013 TCVN 8330:2010 TCVN 8307:2010 TCVN 8308:2010
93	Xác định amin thơm bằng GC-MS trong đồ chơi	TCVN 6238-19:2010 TCVN 6238-11:2010
94	Xác định Phthalates bằng GC-MS trong đồ chơi	TCVN 6238-6:2015
III LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM CƠ - HÓA		
III.1 Thép làm cốt bê tông (các chỉ tiêu và phương pháp thử theo quy định tại QCVN 7:2019/BKHCN)		
Thép cốt bê tông, thép cốt bê tông dự ứng lực, thép phủ epoxy làm cốt bê tông		
95	Phương pháp thử kéo	TCVN 7937:2013 ISO 15630:2010 ASTM A370-16 ASTM A615-16 BS 4449:2005 JIS Z2241-2011 JIS G3112-2010 TCVN 1651:2008 (ISO 6935-3:2007) TCVN 6288:1997 (ISO 10544:1992) TCVN 6284:1997 (ISO 6934:1991) TCVN 7934:2009 (ISO 14654:1999) TCVN 7935:2009 (ISO 14655:1999) TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) TCVN 7934:2009 (ISO 14654:1999) TCVN 7935:2009 (ISO 14655:1999) TCVN 7936:2009 (ISO 14656:1999)
96	Phương pháp thử uốn	TCVN 7937:2013 ISO 15630:2010 ASTM A370-16 ASTM A615-16

		BS 4449:2005 JIS Z2241:2011 JIS G3112:2010 TCVN 1651:2008 (ISO 6935-3:2007) TCVN 6288:1997 (ISO 10544:1992) TCVN 6284:1997 (ISO 6934:1991) TCVN 7934:2009 (ISO 14654:1999) TCVN 7935:2009 (ISO 14655:1999) TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) TCVN 7934:2009 (ISO 14654:1999) TCVN 7935:2009 (ISO 14655:1999) TCVN 7936:2009 (ISO 14656:1999)
97	Phương pháp thử uốn lại	TCVN 7937:2013 ISO 15630:2010 TCVN 6287:1997 BS 4449:2012
98	Phương pháp phân tích thành phần hóa học	ASTM E415:2017
III.2	Thép không gỉ (các chỉ tiêu và phương pháp thử theo quy định tại QCVN 20:2019/BKHCN)	
99	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên	Các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại QCVN 20:2019/BKHCN
100	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm	
101	Thanh và que thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều	
102	Thép không gỉ ở dạng thanh và que khác; thép không gỉ ở dạng góc, khuôn và hình khác	
103	Dây thép không gỉ	
104	Phương pháp thử kéo	ASTM A370:2017 JIS Z2241:2011 TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2016) EN 10002-1:2001
105	Phương pháp thử uốn	ASTM A370:2017 JIS Z2248:2014 TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
106	Phương pháp thử độ cứng	ASTM A370:2017 JIS Z2243:2008 TCVN 256-1:2007 (ISO 6506-2:2014) JIS Z2245:2008 TCVN 257-1:2007 (ISO 6508-2:2014) JIS Z2244:2008 TCVN 258-1:2007 (ISO 6507-1:2014)
107	Phương pháp thử độ dai va đập	ASTM A370:2017 TCVN 312-1:2007



		ISO 148-1:2016 JIS Z2242:2005
108	Phương pháp phân tích thành phần hóa học	ASTM E1086:2014

kg

